

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TM BÌNH AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TM BÌNH AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH AN TM IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BINH AN TM IMPORT EXPORT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109809737

**3. Ngày thành lập:** 10/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 6, Tòa nhà Imperial Suites, 01 – N1, Ngõ 40, phố Vạn Bảo, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904007499

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                            | 4511     |
| 2.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                             | 4530     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa                                      | 4610     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                  | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                    | 4633     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649     |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không bao gồm hoạt động báo chí).                                                     | 8230     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299     |
| 9.  | Quảng cáo                                                                                                                           | 7310     |
| 10. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                              | 7710     |
| 11. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>( Nghị định 10/2020/NĐ-CP)                                                                      | 4932     |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>( Nghị định 10/2020/NĐ-CP)                                                                        | 4933     |
| 13. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                 | 5022     |
| 14. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                         | 5210     |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                           | 5222     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(Không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không)                                                      | 5229(Chính) |
| 18. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510        |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610        |
| 20. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                | 5621        |
| 21. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                    | 5629        |
| 22. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630        |
| 23. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                          | 7911        |
| 24. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                   | 7912        |
| 25. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                     | 7990        |
| 26. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 27. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh           | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 4.500.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên     | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                            | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ KIM ANH | Việt Nam  | Phòng 504, C1, Tập thể Hồ Quỳnh, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 450.000.000           | 10,000    | 001179013439                                                                                            |         |
| 2   | PHẠM THỊ MỸ HẠNH   | Việt Nam  | 734 – H12, Tân Mai, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | 4.050.000.000         | 90,000    | 030173000802                                                                                            |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THỊ MỸ HẠNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 09/01/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030173000802

Ngày cấp: 16/03/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: 734 – H12, Tân Mai, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 734 – H12, Tân Mai, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội